

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
PHƯỜNG AN PHÚ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 22 /NQ-HĐND

An Phú, ngày 24 tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2026
và phương án phân bổ dự toán ngân sách phường năm 2026**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN PHƯỜNG AN PHÚ
KHÓA I, KỲ HỌP THỨ TƯ**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13;

Căn cứ Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị quyết số 52/2025/NQ-HĐND ngày 14 tháng 11 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách Thành phố Hồ Chí Minh năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 483/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố về dự toán thu Ngân sách Nhà nước; Thu, chi ngân sách năm 2026 của Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị quyết số 484/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố về phân bổ dự toán ngân sách năm 2026 của Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 3199/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về giao dự toán ngân sách địa phương năm 2026;

Xét Tờ trình số 1585/TTr-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân phường An Phú về dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2026 và phương án phân bổ dự toán ngân sách phường năm 2026; Báo cáo thẩm tra số 20/BC-BKTNS ngày 22 tháng 12 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách; ý kiến thảo luận thống nhất của đại biểu Hội đồng nhân dân phường tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2026 và phương án phân bổ dự toán ngân sách phường năm 2026.

1. Tổng thu ngân sách nhà nước:

768.000.000.000 đồng

Bao gồm:



- Thu phí, lệ phí:	6.156.000.000 đồng
- Thu Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp:	2.603.000.000 đồng
- Thu khác ngân sách:	11.948.000.000 đồng
- Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	410.583.000.000 đồng
- Thu thuế thu nhập cá nhân:	111.547.000.000 đồng
- Lệ phí trước bạ:	63.405.000.000 đồng

Trong đó: Tỷ trọng Lệ phí trước bạ nhà đất (52,76%)

- Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước:	158.000.000 đồng
- Thu tiền sử dụng đất:	159.200.000.000 đồng
- Thuế bảo vệ môi trường:	2.400.000.000 đồng

2. Tổng thu ngân sách phường hưởng phân cấp: 455.473.000.000 đồng

Bao gồm:

- Thu phí, lệ phí:	985.000.000 đồng
- Thu Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp:	2.603.000.000 đồng
- Thu khác ngân sách:	2.151.000.000 đồng
- Lệ phí trước bạ:	6.679.000.000 đồng

Trong đó: Tỷ trọng Lệ phí trước bạ nhà đất (52,76%)

- Thu bổ sung cân đối ngân sách cấp trên:	175.734.000.000 đồng
- Thu bổ sung cân đối cấp trên để thực hiện CCTL:	124.608.000.000 đồng
- Thu bổ sung mục tiêu:	142.713.000.000 đồng

3. Tổng chi ngân sách phường: 455.473.000.000 đồng

Bao gồm:

- Chi đầu tư từ vốn bổ sung mục tiêu:	13.719.000.000 đồng
- Chi thường xuyên:	299.110.000.000 đồng

Trong đó:

+ Chi giáo dục – đào tạo:	211.274.000.000 đồng
+ Chi Quản lý nhà nước – Đảng – Đoàn thể:	87.836.000.000 đồng
- Chi chương trình mục tiêu các chế độ, chính sách:	128.994.000.000 đồng
- Dự phòng ngân sách:	13.650.000.000 đồng

(Chi tiết phân bổ được đính kèm theo các Mẫu biểu số 01, 02, 03, 04, 06 Thông tư 344/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016)

Điều 2. Thống nhất giao.

- Ủy ban nhân dân phường chủ động phân bổ sử dụng dự toán phù hợp với tình hình thực hiện dự toán năm 2026 đối với các nội dung phân bổ dự toán của các đơn vị trong cùng sự nghiệp.

- Ủy ban nhân dân phường chủ động phân bổ, giao dự toán cho các đơn vị trong phạm vi dự toán năm 2026 để thực hiện một số nhiệm vụ chi đột xuất theo

chỉ đạo của Đảng ủy, Ủy ban nhân dân phường đối với các nội dung chi khác của từng sự nghiệp, chi khác của ngân sách phường.

- Ủy ban nhân dân phường chủ động cân đối nguồn dự phòng ngân sách năm 2026 thực hiện các nhiệm vụ quan trọng trong thời gian đến cuối năm nếu có phát sinh mà không được bổ sung dự toán.

- Sau kỳ họp của Hội đồng nhân dân phường, thống nhất giao Ủy ban nhân dân phường chủ động phân bổ dự toán theo đúng nhiệm vụ chi Thành phố giao đối với các khoản kinh phí do Thành phố bổ sung chi thường xuyên, chi có mục tiêu từ ngân sách Thành phố cấp cho ngân sách phường trong năm 2026.

- Thống nhất nhiệm vụ thu, chi ngân sách, điều hành ngân sách năm 2026 như báo cáo của Ủy ban nhân dân phường tại kỳ họp; giữa 02 kỳ họp Hội đồng nhân dân phường, khi có những phát sinh điều chỉnh dự toán đột xuất, khẩn cấp, Hội đồng nhân dân phường giao Ủy ban nhân dân phường báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân phường xem xét, quyết định.

- Các nội dung giao tại Điều 2, 3, 4, 5, 6 sau khi thực hiện, Ủy ban nhân dân phường có trách nhiệm báo cáo lại Hội đồng nhân dân phường trong kỳ họp gần nhất.

Điều 3. Tổ chức thực hiện.

1. Ủy ban nhân dân phường An Phú có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện. Nghị quyết này.

2. Giao thường trực Hội đồng nhân dân phường, các Ban của Hội đồng nhân dân phường và Đại biểu Hội đồng nhân dân phường tổ chức giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân phường An Phú khoá I, kỳ họp thứ tư thông qua ngày 24 tháng 12 năm 2025 và có hiệu lực từ ngày được thông qua./

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Thường trực HĐND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Thường trực Đảng ủy phường;
- Thường trực Hội đồng nhân dân phường;
- Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam phường;
- Các Ban Hội đồng nhân dân phường;
- Các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân phường;
- Văn phòng Đảng ủy phường;
- Văn phòng HĐND-UBND phường;
- Các Phòng, cơ quan, đơn vị, đoàn thể phường;
- Lưu: VT.



CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Hiền



TỔNG HỢP DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH PHƯỜNG NĂM 2026

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: 22 /NQ-HĐND ngày 24 /12/2025 của Hội đồng nhân dân phường An Phú)

Đơn vị: đồng.

Nội dung	Dự toán 2026	
	Thu NSNN	Thu NSDP
	1	2
Tổng thu cân đối NSNN trên địa bàn	768.000.000.000	455.473.000.000
I. Các khoản thu 100%	20.707.000.000	5.739.000.000
- Phi, lệ phí	6.156.000.000	985.000.000
- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	2.603.000.000	2.603.000.000
- Thuế sử dụng đất nông nghiệp		
- Thu từ quỹ đất công ích và hoa lợi công sản khác		
- Lệ phí môn bài từ cá nhân, hộ kinh doanh		
- Thu phạt, tịch thu theo quy định		
- Thu từ tài sản được sát lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định		
- Đóng góp của nhân dân theo quy định		
- Đóng góp tự nguyện của tổ chức, cá nhân		
- Thu khác	11.948.000.000	2.151.000.000
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	747.293.000.000	6.679.000.000
1. Các khoản thu phân chia	747.293.000.000	6.679.000.000
- Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	410.583.000.000	
- Thu thuế thu nhập cá nhân	111.547.000.000	
- Lệ phí trước bạ	63.405.000.000	
+ Trong đó: Tỷ trọng Lệ phí trước bạ nhà đất (52,76%)	33.452.000.000	6.679.000.000
- Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	158.000.000	
- Thu tiền sử dụng đất	159.200.000.000	
- Thuế bảo vệ môi trường	2.400.000.000	

2. Các khoản thu phân chia khác theo quy định của cấp Thành phố...			
III. Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã, phường (nếu có)			
IV. Thu chuyển nguồn			4.977.000.000
V. Thu kết dư năm trước			
VI. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên			438.078.000.000
Bổ sung cân đối NS			175.734.000.000
Bổ sung cân đối từ nguồn cải cách tiền lương			119.631.000.000
Bổ sung có mục tiêu			142.713.000.000

***Ghi chú:**

- Thu phí, lệ phí phường thực hiện bằng 16% số thu ngân sách nhà nước.
- Thu khác ngân sách phường thực hiện bằng 18% số thu ngân sách nhà nước.
- Thu lệ phí trước bạ nhà đất thực hiện bằng 20% số thu ngân sách nhà nước.
- Các khoản thu hưởng theo Quy định được ban hành tại Nghị quyết 15/2025/NQ-HDND ngày 24 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.



TỔNG HỢP DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH PHƯỜNG NĂM 2026

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: 22 /NQ-HĐND ngày 24 /12/2025 của Hội đồng nhân dân phường An Phú)

Nội dung	Dự toán		
	Tổng số	Chi đầu tư	Chi thường xuyên
A	1	2	3
Tổng chi ngân sách	455.473.000.000	13.719.000.000	441.754.000.000
1. Quốc phòng và An ninh trật tự	38.272.000.000		38.272.000.000
- Chi Quốc phòng	18.478.426.400		18.478.426.400
- Chi trật tự an toàn xã hội	19.793.573.600		19.793.573.600
2. Chi giáo dục	255.623.000.000		255.623.000.000
3. Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ			
4. Chi y tế	49.024.000.000		49.024.000.000
5. Chi văn hóa, thông tin	200.000.000		200.000.000
6. Chi phát thanh, truyền hình	150.000.000		150.000.000
7. Chi thể dục, thể thao	500.000.000		500.000.000
8. Chi bảo vệ môi trường	100.000.000		100.000.000
9. Chi các hoạt động kinh tế			
- Giao thông			
- Nông - Lâm - Thủy lợi - Hải sản			
- Thị chính			
- Thương mại, du lịch			
- Các hoạt động kinh tế khác			
10. Chi quản lý nhà nước, Đảng, Đoàn thể	62.880.000.000	13.719.000.000	49.161.000.000
Trong đó: Quỹ lương	13.161.211.876		13.161.211.876
10.1 Quản lý nhà nước	29.637.132.000		29.637.132.000
10.2 Hội đồng nhân dân	1.230.000.000		1.230.000.000
10.3 Đảng Cộng sản Việt Nam	11.097.592.000		11.097.592.000

Đơn vị: đồng.

10.4 Mặt trận tổ quốc Việt Nam	7.196.276.000		7.196.276.000
11. Chi cho công tác xã hội	31.695.000.000		31.695.000.000
- Trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã nghỉ việc theo chế độ quy định và trợ cấp khác			
- Trẻ mồ côi, người già không nơi nương tựa			
- Trợ cấp xã hội	31.695.000.000		31.695.000.000
- Khác			
12. Chi khác	3.379.000.000		3.379.000.000
13. Dự phòng	13.650.000.000		13.650.000.000
14. Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau			



DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN PHƯỜNG NĂM 2026

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: 22 /NQ-HĐND ngày 24/12/2025 của Hội đồng nhân dân phường An Phú)

Đơn vị: đồng.

STT	Tên công trình	Thời gian thực hiện kế hoạch	Tổng dự toán điều		Giá trị thực hiện đến 31/12/2025	Giá trị đã thanh toán	Kế hoạch 2026			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó: Nguồn đóng góp của dân			Tổng vốn	Chi theo nguồn vốn		
								Vốn hỗ trợ mục tiêu	Vốn cân đối ngân sách phường	
TỔNG CỘNG							13.719.000.000	13.719.000.000		
I. Công trình chuyển tiếp								11.269.000.000		
1	Xây dựng hoa viên khu phố 1A							7.568.000.000		
2	Xây dựng hoa viên khu phố 2							3.701.000.000		
II. Công trình khởi công mới								2.450.000.000		
1	Nâng cấp mở rộng trụ sở UBND phường An Phú							500.000.000		
2	Nâng cấp mở rộng trường THCS Nguyễn Văn Trỗi							100.000.000		
3	Nâng cấp mở rộng trường TH An Phú							100.000.000		
4	Nâng cấp mở rộng trường TH Lê Thị Trung							100.000.000		
5	Nâng cấp mở rộng trường TH Tuy An							100.000.000		
6	Đầu tư trang thiết bị, hạ tầng công nghệ thông tin và cải tạo cơ sở vật chất UBND phường An Phú							50.000.000		
7	Cải tạo, nâng cấp các đường: D1, C3, An Phú 19, An Phú 07, An Phú 25, An Phú 29...							500.000.000		
8	Xây dựng mới Văn phòng khu phố 1B, khu phố 2, khu phố 3							100.000.000		
9	Cải tạo hệ thống thoát nước khu phố Bình Phước B							50.000.000		
10	Xây dựng mới trụ sở BCH Quân sự phường An Phú							50.000.000		
11	Nâng cấp mở rộng trường TH An Phú 3							50.000.000		
12	Xây dựng mới Văn phòng khu phố Bình Phước A, khu phố Bình Phước B							100.000.000		
13	Cải tạo, nâng cấp đường An Phú 34							100.000.000		
14	Cải tạo, nâng cấp đường An Phú 30							500.000.000		
15	Cải tạo hệ thống thoát nước khu phố Bình Phước A							50.000.000		

Tổng dự toán Kế hoạch đầu tư công (bằng số): 13.719.000.000đ

Tổng dự toán thu, chi ngân sách phường (bằng chữ): Mười ba tỷ bảy trăm mười chín triệu đồng.



PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2026

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: 22/NQ-HĐND ngày 12/2023 của Hội đồng nhân dân phường An Phú)

Đơn vị: đồng

STT	Chương	Loại	Diễn giải	Dự toán năm 2026	Trong đó				Nguồn 12	Nguồn 18	Nguồn 14
					Nguồn 13						
					Dự toán năm 2026	10% Tiết kiệm CCTL	10% Tiết kiệm ASXH	Dự toán còn lại sau khi trừ tiết kiệm			
I-Sự nghiệp Giáo dục - Đào tạo					211.274.000.000	103.522.320.000	1.647.160.000	1.482.444.000	100.392.716.000	32.757.680.000	70.067.000.000
1	822	070	071 MN Hoa Mai 5	13.667.650.000	7.003.500.000	117.700.000	105.930.000	6.779.870.000	1.943.150.000	321.000.000	4.400.000.000
2	822	070	071 MN Hoa Cúc 10	11.257.400.000	5.727.900.000	89.580.000	80.622.000	5.557.698.000	1.777.500.000	262.000.000	3.490.000.000
3	822	070	072 Trường TH An Phú	36.348.700.000	19.116.900.000	313.540.000	282.186.000	18.521.174.000	3.273.800.000	901.000.000	13.057.000.000
4	822	070	072 Trường TH An Phú 2	18.258.600.000	9.623.400.000	155.100.000	139.590.000	9.328.710.000	1.695.200.000	460.000.000	6.480.000.000
5	822	070	072 Trường TH An Phú 3	17.655.900.000	9.144.300.000	138.100.000	124.290.000	8.881.910.000	2.202.600.000	429.000.000	5.880.000.000
6	822	070	072 Trường TH Tuy An	21.480.880.000	11.590.560.000	187.900.000	169.110.000	11.233.550.000	1.750.320.000	540.000.000	7.600.000.000
7	822	070	072 Trường TH Lê Thị Trung	24.493.300.000	13.093.500.000	214.140.000	192.726.000	12.686.634.000	2.102.800.000	617.000.000	8.680.000.000
8	822	070	073 Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi	54.584.010.000	28.222.260.000	431.100.000	387.990.000	27.403.170.000	4.484.750.000	1.397.000.000	20.480.000.000
9	832	070	071 Giáo dục mầm non dân lập	13.527.560.000					13.527.560.000		
II-Khois Đảng, Ủy ban Mặt trận tổ quốc và các Đoàn thể					18.293.868.000	7.778.240.000	255.000.000	229.500.000	7.293.740.000	268.000.000	4.432.000.000
1	819	340	351 Đảng ủy	11.097.592.000	5.162.320.000	170.000.000	153.000.000	4.839.320.000	2.727.272.000	187.000.000	3.021.000.000
2	820	340	361 Ủy ban MTTQ Việt Nam và các đoàn thể	7.196.276.000	2.615.920.000	85.000.000	76.500.000	2.454.420.000	3.088.356.000	81.000.000	1.411.000.000
III-Khois Quản lý nhà nước					69.542.132.000	13.007.971.876	467.500.000	420.950.000	12.119.521.876	456.000.000	7.370.000.000
1. Văn phòng HĐND-UBND					48.373.792.000	5.184.191.876	161.500.000	145.350.000	4.877.341.876	168.000.000	2.669.000.000
1	830	040	041 An ninh	19.793.573.600					19.793.573.600		
2	830	010	011 Quốc phòng	18.478.426.400	544.671.876	25.500.000	22.950.000	496.221.876	17.651.754.524	18.000.000	264.000.000
3	830	340	341 Quản lý nhà nước	10.101.792.000	4.639.520.000	136.000.000	122.400.000	4.381.120.000	2.907.272.000	150.000.000	2.405.000.000
2. Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị					7.667.580.000	2.721.580.000	110.500.000	99.450.000	3.229.000.000	100.000.000	1.617.000.000
1	831	250	278 Sự nghiệp môi trường	100.000.000					100.000.000		
2	831	340	341 Quản lý nhà nước	4.488.580.000	2.721.580.000	110.500.000	99.450.000	2.511.630.000	50.000.000	100.000.000	1.617.000.000
2	860	400	428 Chi khác	3.079.000.000					3.079.000.000		
3. Phòng Văn hóa - Xã hội					9.650.360.000	2.991.800.000	102.000.000	92.000.000	2.797.800.000	108.000.000	1.774.000.000
1	832	160	161 Sự nghiệp văn hóa	200.000.000					200.000.000		
2	832	190	191 Sự nghiệp phát thanh	150.000.000					150.000.000		
3	832	220	221 Sự nghiệp thể dục thể thao	500.000.000					500.000.000		
6	832	340	341 Quản lý nhà nước	8.300.360.000	2.991.800.000	102.000.000	92.000.000	2.797.800.000	3.426.560.000	108.000.000	1.774.000.000
7	832	370	Bảo đảm xã hội	500.000.000					500.000.000		
			Chính sách và hoạt động phục vụ các đối tượng bảo trợ xã hội và các đối tượng khác	500.000.000					500.000.000		
			398						500.000.000		



4. Trung tâm phục vụ Hành chính công				3.850.400.000	2.110.400.000	93.500.000	84.150.000	1.932.750.000	350.000.000	80.000.000	1.310.000.000
1	833	280	338	Sự nghiệp kinh tế và dịch vụ khác	3.850.400.000	2.110.400.000	93.500.000	84.150.000	1.932.750.000	350.000.000	80.000.000
IV-Bổ sung có mục tiêu thực hiện các chính sách				128.994.000.000					128.994.000.000		1.310.000.000
1. Văn phòng HĐND-UBND				264.400.000					264.400.000		
1	830	340	341	Quản lý nhà nước	264.400.000				264.400.000		
2. Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị				1.220.000.000					1.220.000.000		
1	831	340	341	Quản lý nhà nước	1.220.000.000				1.220.000.000		
3. Phòng Văn hóa - Xã hội				105.884.000.000					105.884.000.000		
1	832	070		Sự nghiệp giáo dục	23.805.000.000				23.805.000.000		
			071	Giáo dục mầm non dân lập	23.805.000.000				23.805.000.000		
2	832	130		Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	49.024.000.000				49.024.000.000		
			133	Hỗ trợ kinh phí mua thẻ bảo hiểm y tế cho các đối tượng chính sách	43.666.000.000				43.666.000.000		
			139	Y tế khác	462.000.000				462.000.000		
			151	Hoạt động dân số	4.896.000.000				4.896.000.000		
3	832	340	341	Quản lý nhà nước	1.860.000.000				1.860.000.000		
4	832	370		Bảo đảm xã hội	31.195.000.000				31.195.000.000		
			371	Chính sách và hoạt động phục vụ người có công với cách mạng	5.609.000.000				5.609.000.000		
			398	Chính sách và hoạt động phục vụ các đối tượng bảo trợ xã hội và các đối tượng khác	25.586.000.000				25.586.000.000		
3. Trung tâm phục vụ Hành chính công				200.000.000					200.000.000		
1	833	280	338	Sự nghiệp kinh tế và dịch vụ khác	200.000.000				200.000.000		
4. Văn Phòng Đảng Ủy				250.000.000					250.000.000		
1	819	340	351	Đảng ủy	250.000.000				250.000.000		
5. Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam				120.000.000					120.000.000		
1	820	340	361	Ủy ban MTTQ Việt Nam và các đoàn thể	120.000.000				120.000.000		
6. Sự nghiệp Giáo dục				21.055.600.000					21.055.600.000		
1	822	070	071	MN Hoa Mai 5	558.000.000				558.000.000		
2	822	070	071	MN Hoa Cúc 10	493.000.000				493.000.000		
3	822	070	072	Trường TH An Phú	4.013.700.000				4.013.700.000		
4	822	070	072	Trường TH An Phú 2	2.098.200.000				2.098.200.000		
5	822	070	072	Trường TH An Phú 3	3.464.300.000				3.464.300.000		
6	822	070	072	Trường TH Tuy An	2.078.000.000				2.078.000.000		
7	822	070	072	Trường TH Lê Thị Trung	2.200.800.000				2.200.800.000		
8	822	070	073	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi	6.149.600.000				6.149.600.000		
V-Dự phòng ngân sách				13.650.000.000							
1	860	400	437	Dự phòng	13.650.000.000						

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
PHƯỜNG AN PHÚ

Mẫu biểu số 01
(Thông tư 344/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016)

BIỂU CÂN ĐỐI TỔNG HỢP DỰ TOÁN NGÂN SÁCH PHƯỜNG AN PHÚ NĂM 2026

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: 24/NQ-HĐND ngày 24/12/2025 của Hội đồng nhân dân phường An Phú)

Đơn vị: đồng.		
Nội dung thu	Dự toán	Nội dung chi
Tổng số thu	455.473.000.000	Tổng số chi
I. Các khoản thu NSDP hưởng 100%	5.728.000.000	I. Chi đầu tư phát triển
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	6.690.000.000	II. Chi thường xuyên
III. Thu bổ sung ngân sách cấp trên	443.055.000.000	Trong đó:
- Bổ sung cân đối ngân sách cấp trên	175.734.000.000	- Chi giáo dục - Đào tạo
- Bổ sung cân đối từ nguồn cải cách tiền lương	124.608.000.000	- Chi QLNN - ĐU - Đoàn thể
- Bổ sung có mục tiêu	142.713.000.000	III. Dự phòng
IV. Thu chuyển nguồn CCTL		

Tổng dự toán thu, chi ngân sách phường (bảng số): 455.473.000.000 đồng.

Tổng dự toán thu, chi ngân sách phường (bảng chữ): Bốn trăm năm mươi lăm tỷ bốn trăm bảy mươi ba triệu đồng.

